TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 870/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 06 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Thanh Bạch

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Mai

2. Bà Nguyễn Kim Thủy

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyến – Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2018/TLST-HNGĐ ngày 2 tháng 2 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị H, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: đường Đ, Phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt, có Đơn yêu cầu vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1957; địa chỉ cư trú: đường Đ, Phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt, có Đơn yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp đến Tòa án ngày 13/12/2017 cùng các lời trình bày trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là Bà Phan Thị H trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn là Ông Trần Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992-1993, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn, có 02 con chung đã trưởng thành. Do cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, nguyên đơn yêu cầu

Tòa án giải quyết cho ly hôn; về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ lâu do có nhiều mâu thuẫn, cãi vả thường xuyên làm ảnh hưởng đến con cái. Bị đơn không tôn trọng nguyên đơn, nói nguyên đơn là nhà quê, chân đất mắt toét; xúc phạm nguyên đơn khi nguyên đơn không ngủ chung; chỉ đường cho chị Hằng đến nhà ném đá và chửi nguyên đơn; làm mất danh dự của nguyên đơn khi phủ nhận chuyện đã trực tiếp nói với nguyên đơn là chị Hằng nói với bị đơn nguyên đơn đã lấy chồng của chị Hằng và dọa tạt axit nguyên đơn; không cùng lo cho gia đình với nguyên đơn khi hai bên đã thỏa thuận phân công nhau làm những công việc trong gia đình mà không làm; bản thân nguyên đơn nhận thấy chồng sống giả dối, không trung thực trong tất cả các vấn đề trong cuộc sống vợ chồng làm cho nguyên đơn không còn tin tưởng, tôn trọng nữa. Nguyên đơn không thể chấp nhận được người chồng xúc phạm vợ khi vợ không đồng ý ngủ chung. Lý do nguyên đơn không đồng ý ngủ chung là vì công việc làm vất vả, ông Huy nghiện thuốc lá, đêm hay thức khuya xem tivi, điện thoại, dẫn đến không đảm bảo giấc ngủ, làm ảnh hưởng đến sức khỏe của nguyên đơn. Từ những bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày đã dẫn đến mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn được. Từ năm 2009 đến nay, nguyên đơn đã nhiều lần xin ly hôn nhưng vì nghĩ đến con còn nhỏ nên chưa dứt khoát. Nay nguyên đơn thấy mâu thuẫn vẫn tiếp tục, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau, không còn sinh hoạt vợ chồng, mạnh ai nấy ăn riêng, ở riêng từ tháng 5/2017 đến nay nên cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Tại bản tự khai ngày 19/3/2018 cùng các lời trình bày trong quá trình tố tụng, bị đơn là Ông Trần Văn H trình bày:

Mâu thuẫn vợ chồng gia đình nào cũng có nhưng theo bị đơn chưa đến mức ly hôn. Bị đơn phủ nhận nguyên đơn nói ông không tôn trọng vợ, ông không có trực tiếp nói thẳng vào mặt vợ là nhà quê, chân đất mắt toét, còn vợ nghe người khác nói lại thì không thể xác định là ông nói được; ông không có nói vợ là "đ… nếu không cho ngủ chung" mà chỉ nói "vợ chồng phải ngủ chung chứ đâu phải ăn bánh trả tiền"; ông phủ nhận việc chỉ đường cho chị Hằng đến nhà ném đá và chửi nguyên đơn, chị Hằng biết đường đến nhà có thể là do biết số điện thoại rồi hỏi tổng đài số nhà và tự tìm đến; ông không có làm mất danh dự của vợ, ông xác định chị Hằng chỉ nói với ông là vợ ông đã đi lại với chồng của chị Hằng và sẽ xử hai người không ngoại trừ sẽ tạt axit, ông chỉ phủ nhận chuyện vợ nói ông nói chị Hằng dọa tạt axit; ông vẫn cùng lo cho gia đình, con cái, chỉ có duy nhất một lần ông vì công việc làm không mua gạo nấu cơm. Ông thừa nhận từ tháng 5/2017 đến nay mạnh ai nấy sống, không còn sinh hoạt vợ chồng nữa (do nguyên đơn muốn vậy). Tuy nhiên, ông cho rằng khi Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ, ông và vợ sẽ có cuộc sống hôn nhân bình thường, hạnh phúc. Ông xác định còn tình cảm với vợ, không đồng ý yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn, yêu cầu Tòa hòa giải đoàn tụ.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Theo kết quả trả lời của Hội phụ nữ Phường 3 quận Gò Vấp thì bị đơn không đồng ý ly hôn, từ tháng 8/2017 nguyên đơn muốn làm gì thì làm, muốn đi đâu thì đi, bị đơn không biết nguyên đơn đang ở đâu và chừng nào về.

Theo ý kiến của các con nguyên đơn và bị đơn là em Trần Thị Hoàng A cho rằng hàng ngày mẹ em phải chịu áp lực từ ba em, ba em thiếu tôn trọng trong cách dùng lời nói đối với mẹ em, sỉ nhục và nhục mạ mẹ em; còn em Trần Minh H cho rằng ba mẹ em đã không còn ngủ chung phòng với nhau từ lâu, không còn ăn uống, sinh hoạt chung với nhau nữa, mạnh ai nấy lo; ba có những lời nói, biểu hiện giống như không tôn trọng mẹ, không coi trọng công sức học hành, làm việc của mẹ.

Tại phiên toà, tất cả những người tham gia tố tụng đều vắng mặt và có đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc giải quyết vụ án dân sự nêu trên của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp với qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn, bị đơn có nơi cư trú tại quận Gò Vấp nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (viết tắt là BLTTDS) Tòa án nhân dân quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án thông báo về phiên tòa xét xử ngày 29/6/2018 nhưng đều vắng mặt và có yêu cầu được xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của BLTTDS 2015 xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo Giấy chứng nhận kết hôn số 94 quyển số 01/1993 đăng ký ngày 23/9/1993 do UBND Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Theo nguyên đơn trình bày lý do nguyên đơn xin ly hôn là vì nguyên đơn nhận thấy bị đơn sống giả dối, không trung thực trong tất cả các vấn

đề trong cuộc sống vợ chồng làm cho nguyên đơn không còn tin tưởng, tôn trọng bị đơn nữa; nguyên đơn không thể chấp nhận được người chồng xúc phạm vợ khi vợ không đồng ý ngủ chung. Phía bị đơn tuy thừa nhận hai bên đã không còn chung sống như vợ chồng từ tháng 5/2017, mạnh ai nấy sống, ăn riêng, ở riêng nhưng phủ nhận tất cả lý do nguyên đơn đưa ra để xin ly hôn và cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là không lớn, không nghiêm trọng, khẳng định mình vẫn còn tình cảm với vợ, mong muốn hàn gắn tình cảm, gia đình đoàn tụ. Do bị đơn phủ nhận lời khai của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử cần tham khảo thêm ý kiến khách quan khác để xác định niềm tin nội tâm vào lời khai của mỗi bên. Theo lời trình bày của hai em Trần Thị Hoàng A và Trần Minh H là con của nguyên đơn và bị đơn thì bị đơn thường xuyên dùng lời nói thiếu tôn trọng đối với nguyên đơn, Hội đồng xét xử có cơ sở tin tưởng vào lời khai của nguyên đơn về việc bị đơn không có sự tôn trọng tối thiểu của một người chồng dành cho vợ mình. Đồng thời, căn cứ vào Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 62/2010/QĐST-HNGĐ-ĐC ngày 05/5/2010 và Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 09/2010/QĐST-HNGĐ-HGT ngày 12/8/2010 của Tòa án nhân dân Quận 3, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã xảy ra từ lâu, đôi bên đã nhiều lần hoà giải, hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Từ đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định mối quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[5] Về con chung: căn cứ Giấy khai sinh số 220 quyển số 02/1993 đăng ký ngày 03/11/1993 và Giấy khai sinh số 134 quyển số 01/1996 đăng ký ngày 26/7/1996 của UBND Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh nhận thấy nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Trần Thị Hoàng A (sinh năm 1993) và Trần Minh H (sinh năm 1996) đều đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét việc giao con cho ai nuôi dưỡng.

[6] Về tài sản chung và nợ: nguyên đơn và bị đơn khai không nợ ai, không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phan Thị H xin ly hôn Ông Trần Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 94 quyển số 01/1993 đăng ký ngày 23/9/1993 do UBND Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Tất cả đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung và nợ: đương sự khai không có nợ, không yêu cầu Tòa giải quyết tài sản chung.

4. Án phí sơ thẩm:

Bà Phan Thị H nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp (300000 đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0028546 ngày 02/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà Phan Thị H đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND Phường 8, Quận 3;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- CCTHADS quận Gò Vấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Hồ Thanh Bạch